
Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2021

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

2. Ông Hà Minh T

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Kim The - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Võ Văn T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: khu A, thị trấn B, huyện C, tỉnh L

2. Bị đơn: bà Lưu Huỳnh Ngọc Th Th, sinh năm: 1991

Địa chỉ: ấp M, xã K, huyện C, tỉnh L

(Ông T có mặt tại phiên tòa. Bà Th vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 11 tháng 3 năm 2021, nguyên đơn - ông Võ Văn T trình bày:

Ông và bà Lưu Huỳnh Ngọc Th Th quen biết và tìm hiểu nhau sau đó có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An vào ngày 13/12/2011. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó P sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau. Ông và bà Th đã ly thân khoảng 06 năm nay. Nay ông xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với bà Th.

Về con chung: ông và bà Th có 01 con chung tên Võ Lưu T P, sinh ngày 05/4/2012. Con chung do ông trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lưu Huỳnh Ngọc Th Th vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân P biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T.

Về hôn nhân: ông Võ Văn T được ly hôn với bà Lưu Huỳnh Ngọc Th Th.

Về con chung: ông Võ Văn T được nuôi dưỡng con chung tên Võ Lưu T P, sinh ngày 05/4/2012. Bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn Võ Văn T với bị đơn Lưu Huỳnh Ngọc Th Th là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn Lưu Huỳnh Ngọc Th Th vắng mặt không lý do. Bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà Th vẫn vắng mặt. Bà Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Th vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Bà Th cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông T và bà Th chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An vào ngày 13/12/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, ông T trình bày trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì P sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Ông T và bà Th đã ly thân khoảng 05 - 06 năm nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong suốt thời gian ly thân, ông T và bà Th không có thiện chí và giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Th theo quy định của pháp luật nhưng không tổng đạt trực tiếp được cho bà Th, vì bà Th đi làm ăn xa, không có mặt tại nhà vào thời điểm Tòa án tổng đạt. Theo biên bản

xác minh bà Huỳnh Ngọc Nh là mẹ ruột của bà Th thì bà Th còn đăng ký hộ khẩu và cư trú tại ấp Bảy Mét, xã Kiến Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Bà Th đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn thường xuyên về nhà thăm gia đình. Bà Nh đồng ý nhận thay cho bà Th các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt và có cam kết giao lại (thông báo lại) cho bà Th. Như vậy có cơ sở xác định bà Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng bà Th không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không cung cấp ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Theo biên bản xác minh thì bà Nh (mẹ bà Th) còn trình bày tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông T không hạnh phúc, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Tại phiên tòa, ông T không đồng ý đoàn tụ gia đình mà kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của ông T và bà Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, ông T được ly hôn với bà Th.

Về con chung: ông T và bà Th có 01 con chung tên Võ Lưu T P, sinh ngày 05/4/2012. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung do ông T trực tiếp nuôi dưỡng từ khi ông T và bà Th ly thân cho đến nay. Theo bản tự khai của cháu P thì cháu có nguyện vọng sống chung với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Bà Th không cung cấp ý kiến tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao con chung cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của ông T nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: ông T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Th không có ý kiến tranh chấp về tài sản chung, nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T.

Ông Võ Văn T được ly hôn với bà Lưu Huỳnh Ngọc Th Th.

Về con chung: ông Võ Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Lưu T P, sinh ngày 05/4/2012.

Bà Lưu Huỳnh Ngọc Th Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: ông Võ Văn T có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0001469 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang án phí, ông T không phải nộp thêm. Bà Lưu Huỳnh Ngọc Th Th không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Thẩm phán

Đặng Nguyễn Phương Chi

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Phương Chi